

NHỮNG YẾU TỐ THÀNH PHẦN CỦA CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

• TS. LÊ VĂN ANH

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Chất lượng giáo dục (CLGD), một khái niệm luôn được bàn luận và tranh cãi trong những thời gian, không gian và ở những điều kiện kinh tế xã hội khác nhau, nhưng cũng không phải là một khái niệm trừu tượng, khó hiểu một khi chúng ta xem xét và phân tích những yếu tố hợp thành của nó. Chất lượng của những yếu tố thành phần tạo nên chất lượng của cả hệ thống giáo dục, chúng có mối liên hệ khăng khít với nhau, thiếu hoặc yếu một thành phần nào, khó có được một chất lượng toàn diện như mong muốn.

Khi xem xét chất lượng giáo dục, cần tính đến các yếu tố thành phần của nó.

1. Thứ nhất, đặc điểm của người học

Từ "Người học" mà nguồn gốc (studium) của nó có nghĩa là "cố gắng và học tập", còn có nghĩa rộng là cam kết và trách nhiệm [1]. Đó chính là lí do mà người ta thường chọn từ "người học" hơn là từ "học sinh"; từ "học sinh" nhấn mạnh hơn tới mối quan hệ giữa người thầy và một cơ sở trường học. Từ "người học" được dùng trong phương pháp sư phạm tương tác bao hàm tất cả các đối tượng đi học.

Người học là người mà với năng lực cá nhân của mình tham gia vào quá trình để lĩnh hội một tri thức mới. Người học trước hết là người tìm cách học và tìm cách hiểu. Tri thức chính là đối tượng mà người học tiếp nhận và chiếm lấy làm sở hữu. Với tư cách là một tác nhân theo phương pháp sư phạm, người học trước hết là người đi học mà không phải là người được dạy. Người học trong phương pháp học của mình sẽ truyền thông tin cho người dạy bằng lời, bằng bình luận, bằng các suy nghĩ, các câu hỏi hoặc không phải bằng lời mà bằng thái độ, cử chỉ hay cách ứng xử... nói một cách khái quát là người học đã hành động.

Đặc điểm của người học có thể coi là yếu tố đầu vào khi xem xét tới những yếu tố có ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục. Việc phân tích đặc điểm của người học có liên quan tới những yếu tố đầu ra của quá trình giáo dục. Phân tích đặc điểm của người học cần được nhìn nhận từ các khía cạnh như: khuynh hướng (Aptitude); sự kiên trì (Perseverance); Kiến thức đã có từ trước (Prior Knowledge); sự sẵn sàng học tập (School readiness); và những rào cản đối với việc học tập (Barriers to learning). Có thể nói những khía cạnh được xem xét ở đây chính là các yếu tố bên

trong của người học mà nhà giáo dục cần tính đến khi đánh giá chất lượng giáo dục, nó liên quan tới kết quả đầu ra của quá trình mà người học được hưởng. Các yếu tố bên trong chỉ rõ sức mạnh nội tại của người học, đó chính là nguồn năng lượng bên trong tạo thuận lợi hoặc gây bất lợi cho hoạt động giáo dục. Những yếu tố bên trong này bao gồm tiềm năng trí tuệ, xúc cảm, giá trị, vốn sống, phong cách dạy và học cũng như tính cách.

Về tiềm năng trí tuệ: Đó là yếu tố di truyền mà người học được kế thừa. Tiềm năng này không chỉ là một cái gì đó tiềm tàng, mạnh mẽ, mà nó còn là một quyền lực thực sự tồn tại đòi hỏi được hiện thực hoá bởi môi trường để được phát triển[1]. Tiềm năng trí tuệ được bắt nguồn từ những khả năng hầu như không hạn chế của hệ thống thần kinh. Nó dựa trên năm giác quan, trên hàng triệu nơ-ron thần kinh, trên hai bán cầu đại não. Trong sự năng động của mình, nó bao gồm hai nhân tố cần thiết cho việc học có nghĩa là cái đã được biết và cái biết cần được thu nhận. Đối với người học, tiềm năng này một mặt dựa trên toàn bộ quá khứ rất cá nhân, với nhiều kinh nghiệm trải qua việc học tập và những kiến thức thu nhận được của họ, mặt khác dựa trên tất cả những nguồn năng lực hầu như không bao giờ cạn của môi trường. Bằng cách nào đó, cái đã biết được sử dụng làm cửa vào cho bất cứ một kiến thức mới nào hoà nhập vào nó. Thậm chí người ta có thể khẳng định rằng lượng và chất của cái đã biết làm dễ dàng việc tiếp cận tri thức mới cho người học. Tiềm năng trí tuệ cũng phụ thuộc vào sinh lí học của hệ thống thần kinh: một bộ não phát triển, các nơ-ron thần kinh hoạt động có hiệu quả, một sức khoẻ tốt tạo điều kiện thuận lợi cho năng suất trí tuệ. Từ yếu tố tiềm năng trí tuệ của người học mà chúng ta thấy có những học sinh có năng khiếu cần phải được khích lệ khám phá ra những lĩnh vực kiến thức mới để trở thành đa năng hơn. Đối với những học sinh ít được trời phú thì họ sẽ học được nhiều hơn, có những giới hạn tâm lí mà người học tự áp đặt cho mình, và có những giới hạn tâm lí do môi trường, xã hội, di truyền áp đặt cho người học.

Về yếu tố xúc cảm: Những xúc cảm nằm trong hệ thống khứu não có ảnh hưởng ít nhiều đến tập tính của người học. Hệ thống khứu não

phân tích đối tượng tri thức cho người học và đánh giá cái lợi của nó. Nếu được đánh giá là điều có ích, sẽ gợi lên cho người học một hứng thú cần phải thu lượm. Nếu không nó sẽ thờ ơ hoặc loại bỏ. Thí dụ, một học sinh mà người dạy làm cho anh ta cảm thấy lợi ích của môn toán trong đời sống hàng ngày, sẽ biểu lộ hứng thú đối với môn này, trung tâm khứ não của anh ta đã tìm thấy ở đó cái lợi. Vai trò của xúc cảm được đặt trong các thao tác nhận thức, cho dù là thao tác gì. Hành động học của học sinh không chỉ nằm trong một cấu trúc nhận thức mà còn nằm trong một cấu trúc xúc cảm. Đó là sự xuất hiện của hứng thú. Sự xúc cảm đi trước nhận thức và mở cửa cho nhận thức bằng cách tạo nên hứng thú. Những xúc cảm tác động vào hứng thú đến từ rất nhiều nguồn, nó được biểu hiện dưới rất nhiều hình thức khác nhau và với một cường độ thay đổi. Những kết quả tích cực là nguồn quan trọng để người học có thể sử dụng hết khả năng của mình. Nếu như nhiều người học thành công, thì cũng có những người không gặp may, gặp hết thất bại này đến thất bại khác, kết quả học tập yếu kém có nguy cơ kìm hãm học tập lâu dài. Hứng thú giảm dần, ác cảm với thầy và những định kiến là những yếu tố xúc cảm tiêu cực ít nhiều làm xáo trộn những may mắn thành công của người học. Thật sự cần thiết là người học phải có thói quen với những thất bại để có thể thoát khỏi trạng thái tiêu cực. Sự xúc động mà người học cảm thấy sẽ làm cho họ hạnh phúc hoặc bất hạnh, thoả mãn hoặc buồn chán, vui vẻ hoặc khó chịu trong việc học của họ.

Về yếu tố các giá trị: Người học được quyết định bởi hệ thống giá trị của họ, hệ thống này ảnh hưởng tới quá trình học và phương pháp sư phạm. Những giá trị này mang lại cho họ một cuộc sống có ý nghĩa. Về phương diện cá nhân, người học thường có hứng thú từ hệ thống giá trị của họ. Về phương diện xã hội, họ điều tiết mối quan hệ giữa họ với mọi người cho phù hợp với hệ thống giá trị này. Các giá trị tùy thuộc nhiều vào văn hoá, tín ngưỡng, kinh nghiệm cá nhân và môi trường sống. Nó thay đổi theo thời đại và nơi chốn. Những giá trị do gia đình, nhà trường và xã hội truyền lại quyết định các tập tính của người học. Chính những giá trị này mang lại ý nghĩa của công việc, của thành công, của trách nhiệm, của tự chủ, của công lí, bảo vệ của cái chung, của tôn trọng những người khác và pháp luật. Tuy nhiên việc lựa chọn và duy trì một số giá trị sẽ tùy thuộc đặc biệt vào tính cách, độ chín chắn, sở thích và tâm lí của mỗi người. Ngoài ra, ảnh hưởng của nhóm, sức ép của xã hội cũng làm thay đổi các giá trị đặc biệt ở người học. Chính vì vậy mà người dạy lo lắng giáo dục học sinh, cố gắng làm cho người học có ý thức về những giá trị và giúp đỡ họ tăng các giá trị hoặc định hướng lại những giá trị nếu cần thiết.

Về vốn sống: Yếu tố này cũng rất cần thiết khi xem xét đặc điểm của người học. Vốn sống có liên quan đến kinh nghiệm sống và kiến thức thu lượm được, ảnh hưởng trực tiếp đến việc học của người học. Bất cứ việc học nào cũng được khởi đầu từ cái đã biết, từ vốn sống và tạo nên sự hỗ trợ cho người dạy. Ngay từ khi mới sinh ra, con người đã bắt đầu tích lũy kinh nghiệm sống và thu lượm tri thức. Đó là thời kì các giác quan tâm lí vận động, tình cảm nảy nở và phát triển, có được một số từ ngữ và tập nói những câu đầu tiên. Dần dần, đứa trẻ chuẩn bị vào thế giới học đường. Môi trường giáo dục mang lại kinh nghiệm mới, ở đó người học làm quen với một cấu trúc xã hội khác với gia đình, thử nghiệm của họ sẽ thành công hoặc không thành công. Ở đó họ sẽ chứng kiến các sự kiện tốt và xấu, sẽ phát triển tinh sáng tạo của mình bằng những sáng kiến mới, thử sức với những tình huống và ra quyết định. Có rất nhiều kinh nghiệm làm phong phú cái đã biết của người học và được dùng làm quy chiếu khi người học thu lượm tri thức mới. Khối kiến thức thu lượm được bởi người học cũng phụ thuộc vốn sống của anh ta. Vốn sống của người học càng phong phú, quá trình học càng trở nên dễ dàng và hiệu quả.

Về phong cách học: Mỗi học sinh có phong cách học riêng của mình. Người học cảm thấy hoặc không cảm thấy có nhu cầu được hướng dẫn, thích làm việc một mình hoặc theo nhóm. Phong cách của họ thậm chí đi đến quyết định cách ghi chép, cách đặt câu hỏi và cách xây dựng câu trả lời của họ. Nghiên cứu quá trình học chứng minh rằng sự cân đối giữa các chức năng của hai bán cầu não là không thể thiếu đối với việc thu lượm và đồng hoá một tri thức.

Về tính cách: Mỗi người có tính cách cá nhân riêng với những đặc tính của thiếu niên, thanh niên hoặc người lớn để phân biệt rõ với người khác. Tính cách bao gồm cái "tôi" vật chất, cái "tôi" tâm lí và cái "tôi" xã hội [1]. Cái "tôi" vật chất bao gồm những nét, hình thể bề ngoài, sức khỏe, di truyền, dáng đi, v.v... Cái "tôi" vật chất phụ thuộc vào cái "tôi" tâm lí, đôi khi trở thành nguồn cảm xúc có khả năng quyết định hướng đi của người học. Thường thì một hình thể đẹp, cân đối thường mang lại sự đảm bảo và lòng tự tin, trong khi một hình thể xấu làm cho người ta e dè, xa lánh và ít mạnh dạn. Cái "tôi" tâm lí được hình thành từ tình cảm và cảm xúc, từ sở thích, hứng thú và khát vọng, từ khả năng và năng khiếu. Cái "tôi" tâm lí ảnh hưởng đến việc học. Sở thích và hứng thú làm tăng giá trị của năng khiếu; khát vọng có thể đẩy tới hoặc không đẩy tới hiệu năng, trong khi xúc cảm và tình cảm làm cho cuộc sống dễ chịu hoặc khó chịu. Cái "tôi" xã hội dẫn tới việc tham gia vào các hoạt động của nhà trường, chia sẻ văn hoá, giá trị và các năng lực bên trong của nhóm, tập thể. Bằng cái "tôi" xã



hội, người học tham gia nhiều hay ít vào các hoạt động học tập của mình.

Người học biểu hiện những đặc tính vốn có của một nhân cách đang phát triển. Nó phát triển đồng thời trên nhiều phương diện tâm lí vật chất, trí tuệ, tình cảm và xã hội. Từ sự phát triển này, nảy sinh ở người học những lo lắng, sự tự khẳng định mình bên cạnh những người lớn và bạn bè, sự đối lập, sự cạnh tranh, cách thoả hiệp, tính tự chủ, lựa chọn thân tượng và những người lí tưởng.

Tóm lại, khi nói đến chất lượng giáo dục không thể không xem xét tới đầu vào của quá trình giáo dục, đó chính là đặc điểm của người học. Chất lượng người học giữ vai trò hạt nhân trong chất lượng giáo dục.

2. Thứ hai, những đầu vào cần phải có (để thực hiện)

Chất lượng giáo dục phụ thuộc rất lớn vào những yếu tố gọi là đầu vào.

Phạm trù "đầu vào" bao gồm các nguồn lực vật chất (như sách giáo khoa, tài liệu học tập, lớp học, thư viện, trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường...) và nguồn lực con người (các nhà quản lí, giám sát viên, thanh tra viên...). Các chỉ số được sử dụng nhiều nhất để đánh giá các đầu vào này là tỉ lệ học sinh, giáo viên, lương giáo viên, kinh phí hiện tại của nhà nước cho mỗi học sinh và tỉ lệ GDP (tổng sản phẩm quốc nội) dành cho giáo dục.

3. Thứ ba, quá trình dạy (Teaching) và học (Learning)

Thành tố này mô tả những gì xảy ra trong lớp học và trong nhà trường. Các quá trình sự phạm diễn ra chủ yếu ở thành tố này. Các chỉ số như thời gian dành cho học tập, việc sử dụng các phương pháp dạy học giữa giáo viên và học sinh, cách đánh giá sự tiến bộ, những phản hồi và khuyến khích trong quá trình dạy học là những nội dung được đề cập trong thành tố này. Quy mô lớp học cũng là một chỉ số quan trọng của quá trình dạy và học. Ngoài ra, các yếu tố như tài liệu dạy và học, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn lực con người: bao gồm giáo viên, hiệu trưởng, thanh tra viên, giám sát viên, cán bộ quản lí và việc điều hành, quản lí nhà trường cũng cần kể đến trong thành tố này khi đánh giá chất lượng giáo dục.

4. Thứ tư, các kết quả (Outcomes) hay còn gọi là yếu tố "đầu ra" của giáo dục. Khi nói đến "đầu ra" của giáo dục là nói đến sản phẩm của giáo dục.

Yếu tố này bao gồm:

- Đọc, viết, tính toán và các kĩ năng sống;
- Các kĩ năng để phát triển tính sáng tạo và cảm xúc;
- Các giá trị;
- Các lợi ích xã hội.

5. Thứ năm, chất lượng cần được xem xét trong một bối cảnh (Context)

Chất lượng giáo dục khi được đánh giá còn phải được xem xét trong một bối cảnh nhất định. Bối cảnh đó bao gồm:

- Các điều kiện về kinh tế và thị trường lao động trong cộng đồng;
- Các nhân tố văn hoá - xã hội và tôn giáo;
- Các chiến lược trợ giúp;
- Kiến thức về giáo dục và cơ sở hạ tầng;
- Nguồn lực công dành cho giáo dục;
- Sự cạnh tranh của nghề dạy học trong thị trường lao động;
- Quản lí nhà nước và các chiến lược quản lí về giáo dục;
- Triết lí của người dạy và người học;
- Tác động của bạn bè (đồng đẳng);
- Sự hỗ trợ, chăm lo của cha mẹ;
- Thời gian dành cho việc học ở trường và luyện tập ở nhà;
- Các chuẩn quốc gia;
- Sự mong đợi của công chúng;
- Đòi hỏi (nhu cầu) của thị trường lao động;
- Toàn cầu hoá.

Tóm lại, chất lượng giáo dục trong hệ thống giáo dục [2] cần phải được nhìn nhận, xem xét một cách tổng thể từ các yếu tố thành phần trên và có thể thu vào một cách ngắn gọn là: CIMO (đối với hệ thống giáo dục) và CIPO (đối với cơ sở giáo dục) - Các yếu tố đầu vào (Input); Quản lí (M)/ Quá trình (Process) và các yếu tố đầu ra (Output) trong một bối cảnh (C) xác định. Hệ thống tiêu chí để đánh giá chất lượng giáo dục cũng hướng vào các yếu tố này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jean-Marc Denomme & Madeleine Roy, *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác*. NXB Thanh Niên - Tạp chí Tri thức và công nghệ.
2. *Education for all - The quality imperative* - EFA Global Monitoring Report 2005
3. Nguyễn Hữu Châu, *Hướng đến những quan điểm đầy đủ hơn về chất lượng giáo dục*, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, 12/2003
4. Đặng Thành Hưng, *Quan điểm lí luận và kĩ thuật đánh giá sự phát triển giáo dục*, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, 9/2004
5. Đề tài Cơ sở lí luận và thực tiễn về chất lượng giáo dục và đánh giá chất lượng giáo dục B2004-CTGD-01- Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Nguyễn Hữu Châu.

SUMMARY

The article deals with such component parts of educational quality as characteristics of learners, inputs, teaching process, outputs and context.